

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 155/2018/HS-ST
Ngày 14-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Thảo

Bà Nguyễn Thị Mai

Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Linh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi T Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 107/2018/HSST ngày 07 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/HSST-QĐ ngày 19 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Bùi Thị M, sinh ngày 23 tháng 12 năm 198X tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ 9 phường Đ, quận H, Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Bùi Xuân Q và bà Vũ Thị Đ; có chồng là Nguyễn Trung T và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 06/4/2018, tạm giam ngày 14/4/2018; có mặt.

2. Trương Trung K, sinh ngày 27 tháng 9 năm 198Y tại Hải Phòng. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đường C, phường H, quận H, Hải Phòng; nơi tạm trú: Số Đường N, phường V, quận L, Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Trương Trung A và bà Vũ Thị Bích N; có vợ là Phạm Thị Đỗ K và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 30/3/2018, tạm giam ngày 08/4/2018; có mặt.

3. Nguyễn Thái H, sinh ngày 07 tháng 5 năm 198Z tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Đường P, phường H, quận H, Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Văn D và bà Phạm Thị K; có vợ là Phạm Thị Lệ Q và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 31/3/2018, tạm giam ngày 08/4/2018; có mặt.

4. Lê Văn N, sinh ngày 22 tháng 01 năm 199K tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Khởi Nghĩa, xã An Thọ, huyện An Lão, Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông: Không rõ và con bà Lê Thị V; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 30/3/2018, tạm giam ngày 08/4/2018; ngày 07/6/2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh; có mặt.

5. Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 04 tháng 4 năm 199L tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện A1, Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Xuân T và bà Bùi Thị C; bị bắt tạm giữ ngày 30/3/2018, tạm giam ngày 08/4/2018; ngày 27/6/2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh; có mặt.

6. Phạm Ngọc T, sinh ngày 01 tháng 8 năm 198M tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Đường P, phường N, quận L, Hải Phòng; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Phạm Ngọc P và bà Nguyễn Thị V; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 03/4/2018, tạm giam ngày 08/4/2018; ngày 23/7/2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh; có mặt.

Bị hại: Anh Vũ Văn T1, sinh năm 197G, nơi cư trú: Đường T, phường K, quận L, Hải phòng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2017, Bùi Thị M quen biết và nảy sinh tình cảm với Trương Trung K. M đã kể cho K về mâu thuẫn trong công việc làm ăn giữa M với T1 cũng như việc T1 nói xấu M, đến nhà M để đòi nợ. Vì bức xúc với T1 nên K bàn bạc với M về việc đánh T1 để dạy T1 một bài H. M đồng ý.

Sáng ngày 18/01/2018, K điện thoại cho M bảo chuẩn bị ảnh của T1 và số tiền 1.000.000đồng để bạn của K đến lấy. Sau đó, K điện thoại cho H nhờ đánh T1, H đồng ý. K đưa số điện thoại của M cho H và bảo H đến gặp M để lấy ảnh và tiền rồi đi theo T1, theo dõi vị trí của T1 để thông báo lại cho K. Theo lời K, H gặp M

và nhận 01 bì ảnh gồm 05 bức ảnh của T1, 01 tờ giấy A4 ghi biển số xe, loại xe, các số điện thoại của T1 và số tiền 1.000.000đồng.

Sau đó, M đi đường thì nhìn thấy xe ô tô của T1 nên đã điện thoại thông báo cho K và H. Theo thông tin M cung cấp, H đi theo xe ô tô của T1 và thông báo lại cho K.

Trong lúc đó, K đang dự đám cưới ở Thủy Nguyên, Hải Phòng cùng N, Đ, T. K bảo N đi cùng K có việc thì N đồng ý. Quá trình dự đám cưới, K liên tục liên lạc với M và H. Theo lời của H, K và N đi xe về một quán cà phê trên đường Phan Đăng Lưu, quận Kiến An, Hải Phòng thì gặp H đang điều khiển xe máy Jupiter biển kiểm soát 16K5-3412. Lúc này, K bảo N đi về lấy xe để có phương tiện di chuyển và lấy 01 gậy gỗ hình trụ, dài khoảng 70 cm, đường kính khoảng 03 cm ở nhà K để chuẩn bị đánh T1. Sau đó, K và H tiếp tục theo dõi T1, khi đến khu vực cầu Niệm thì K và H gặp N điều khiển xe máy Air Blade biển kiểm soát 16N4-1264, K chuyển sang điều khiển xe chở N còn H đi một mình.

K, H, N tiếp tục đi theo T1, đến khu vực đường Bến Bình thì K nhờ N đánh T1 vì T1 nợ tiền K không trả. N đồng ý. Khi đi đến bờ sông Tam Bạc, Đ gọi điện thoại cho K hỏi xong việc chưa, có cần giúp gì không thì K nói đi dọc bờ sông Tam Bạc sẽ gặp K. Đ điều khiển xe máy Exciter biển kiểm soát 15B1-84555 chở T đi đến khu vực chợ Sắt thì gặp K, K nói đi theo ô tô của T1 để đánh cảnh cáo vì T1 nợ tiền K không trả. Đ và T đồng ý. Từ đây, cả 05 người điều khiển 03 xe máy đi theo xe ô tô của T1.

Khi đi trên đường Lạch Tray, K gọi điện hỏi T vị trí xe của T1 và bảo T tìm cách dừng xe của T1 lại. T đồng ý rồi nói lại cho Đ biết. Đến khu vực trước cửa nhà số 10 mương An Kim Hải, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, Hải Phòng, Đ điều khiển xe mô tô đi đầu tiên, vượt lên va chạm để chặn xe ô tô của T1. K đi thứ hai thì dừng xe để lấy gậy gỗ mà N đã chuẩn bị để trong cốp xe. H đi vượt qua xe K, dừng xe rồi cùng với Đ cầm tay lái T1 xuống xe. Lúc này, K chờ N đi đến, tay phải N cầm gậy gỗ vụt 01 cái vào bắp chân trái của T1. T1 bị lôi hất ra khỏi xe. H xông vào dùng tay nắm lấy tay T1. K giăng gậy gỗ từ tay N đập vào chân, vào người T1. N nhặt viên đá lát nền kích thước khoảng 20 x 30cm, dày khoảng 01cm ném vào vai T1, viên đá rơi ra thì H nhặt lấy rồi đập 01 nhát vào bụng T1 và tiếp tục dùng mũ bảo hiểm đánh vào người T1 mấy cái. K tiếp tục dùng gậy gỗ đập nhiều cái vào người T1. H đá vào ngực T1. Đ dùng chân đạp vào đầu T1. T đứng cách T1 khoảng 01 mét nhìn T1 bị 04 người trong nhóm đánh. Đánh T1 xong, cả nhóm lên xe bỏ chạy. Chiếc gậy gỗ K đã làm thất lạc ở đâu không biết nên không thu hồi được.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 49/2018/TgT ngày 29/01/2018 của Trung tâm pháp y Sở y tế Hải Phòng kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn

thương cơ thể do gãy 1/3 dưới xương mác trái gây nên là 6%. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do vết phẫu thuật vùng 1/3 dưới cẳng chân trái gây nên là 8%. Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của nạn nhân do các thương tích trên gây nên theo phương pháp cộng lùi và làm tròn số là 14%. Các thương tích trên có đặc điểm do vật tày tác động trực tiếp gây nên.

Tại Cơ quan điều tra, Trương Trung K khai nhận: Do bức xúc với T1 trong việc T1 nói xấu M nên đã bàn bạc với M về việc đánh T1, M đồng ý. Vào sáng ngày 18/01/2018, K đã nhờ H, N, Đ, T đi theo vị trí xe của T1 và đã đánh T1 tại khu vực trước cửa nhà số 10 mường An Kim Hải, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, Hải Phòng. Đ là người chặn xe ô tô của T1, sau đó cùng H lôi T1 xuống xe. H dùng tay chân đấm đá mấy cái vào người T1. N cầm gậy gỗ vọt 01 cái vào bấp chân của T1. K giằng gậy gỗ từ tay N đập vào chân, vào người T1. N nhặt viên đá lát nền ném vào vai T1, viên đá rơi ra thì H nhặt lấy đập 01 cái vào bụng T1. Đ dùng chân đạp vào đầu T1. T là người nghe điện thoại của K để tìm cách chặn xe chứ không tham gia đánh T1. Sau khi đánh T1 xong, cả nhóm lên xe bỏ chạy. Chiếc gậy gỗ K đã làm thất lạc nên không thu hồi được.

Bùi Thị M khai M khai nhận: Do bức xúc trong việc T1 nhiều lần nói xấu với gia đình, bạn bè của M nên bàn với K đánh T1. M là người chuẩn bị ảnh của T1, 01 tờ giấy A4 ghi thông tin về T1, số tiền 1.000.000đồng để đưa cho H và là người trực tiếp đi theo xe của T1 để cung cấp thông tin cho K và H.

Nguyễn Thái H, Lê Văn N, Nguyễn Thành Đ, Phạm Ngọc T khai nhận: Ngày 18/01/2018, K là người rủ đi đánh T1 và cả 05 người điều khiển 03 xe máy đi theo xe ô tô của T1, khi đến khu vực trước cửa nhà số 10 mường An Kim Hải, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, Hải Phòng đã chặn được xe và đánh gây thương tích cho T1.

Bị hại Vũ Văn T1 khai: Khoảng 15h ngày 18/01/2018, anh bị 05 N giới không quen biết đánh gây thương tích tại khu vực trước cửa nhà số 10 mường An Kim Hải. Anh yêu cầu các đối tượng gây thương tích cho anh phải bồi thường số tiền 184.000.000đồng và giao nộp cho Cơ quan điều tra phiếu thu phí khám bệnh thể hiện số tiền 8.812.000 đồng; ngoài ra, các chi phí khác được kê trong bảng kê chi phí thiệt hại.

Tại Cáo trạng số 116/CT-VKS ngày 06 tháng 8 năm 2018, Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân đã truy tố các bị cáo Bùi Thị M, Trương Trung K, Nguyễn Thái H, Lê Văn N, Nguyễn Thành Đ và Phạm Ngọc T đồng phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã nêu trên.

Bị hại Vũ Văn T1 yêu cầu các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 259.879.472đồng, bao gồm:

Chi phí khám nhập viện: 505.000đồng; viện phí: 15.636.472đồng; mua 01 bộ nẹp vít xương phẫu thuật: 4.000.000đồng; chi phí mổ: 5.000.000đồng; mua Moocphin vip6 giảm đau: 3 ngày x 900.000đồng = 2.700.000đồng; mua thuốc điều trị tại nhà: 3.000.000đồng; chi phí tiền phòng và giường nằm yêu cầu: 14 ngày x 200.000đồng = 2.800.000đồng; tiền giám định thương tật: 2.000.000đồng; chi phí cho người chăm sóc: 2 người x 14 ngày x 300.000đồng = 8.400.000đồng; thuê xe cho người từ Bắc Giang xuống nuôi: 7 chuyến xe x 1.500.000đồng = 10.500.000đồng; mua đồ vật dụng nằm viện: 2.500.000đồng; thời gian nghỉ không đi làm: 8 tháng x 6.965.000đồng = 55.720.000đồng; chi phí thuê người phục vụ chăm sóc ra viện: 3 tháng x 4.500.000đồng = 13.500.000đồng; đền bù danh dự: 3 tháng x 6.956.000đồng = 20.868.000đồng; chi phí bồi dưỡng sức khỏe: 4 tháng x 6.965.000đồng = 27.860.000đồng; bồi thường tổn thất tinh thần: 3 tháng x 6.965.000đồng = 20.895.000đồng. Tổng cộng là: 195.884.472đồng.

Dự kiến chi phí phẫu thuật tháo nẹp gồm các khoản: Phẫu thuật tháo nẹp định: 5.000.000đồng; viện phí: 15.600.000đồng; chi phí khác: 6.000.000đồng; nghỉ ở nhà mổ lại: 3 tháng x 6.956.000đồng = 20.895.000đồng; thuê người phục vụ chăm sóc ra viện: 3 tháng x 4.500.000đồng = 13.500.000đồng; thuê xe đưa đón phẫu thuật tháo nẹp: 2 chuyến x 1.500.000đồng = 3.000.000đồng. Tổng cộng là: 63.995.000đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ: Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bùi Thị M mức án từ 36 đến 42 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ: Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Trương Trung K mức án từ 36 đến 42 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ: Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Thái H mức án từ 30 đến 36 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ: Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Lê Văn N mức án từ 30 đến 36 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ: Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Thành Đ mức án từ 24 đến 30 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ: Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phạm Ngọc T mức án từ 18 đến 24 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 584; 585; 587, 590 Bộ luật Dân sự; buộc các bị cáo M, K, H, N, Đ, T phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại các khoản chi phí là: Chi phí nhập viện 505.000đồng, tiền viện phí 15.636.472đồng; mua bộ nẹp vít xương phẫu thuật là 4.000.000đồng; chi phí cho 2 người chăm sóc bị hại tại bệnh viện là 8.400.000đồng; mua vật dụng nằm viện 2.500.000đồng; khoản thu nhập bị mất là 55.720.000đồng; bồi thường tổn thất tinh thần là 20.895.000đồng. Tổng cộng là 107.656.472đồng, theo kỷ phần mỗi bị cáo phải bồi thường 17.942.745đồng. Bị cáo M tự nguyện nộp 20.000.000đồng để bồi thường cho bị hại nên chấp nhận và như vậy bị cáo M đã thực hiện xong việc bồi thường. Bị cáo N, Đ mỗi bị cáo đã tự nguyện nộp 10.000.000đồng nên mỗi bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường 7.942.745đồng. Bị cáo T đã tự nguyện nộp 5.000.000đồng nên phải tiếp tục bồi thường 12.942.745đồng. Bị cáo K, H mỗi bị cáo phải bồi thường 17.942.745đồng cho bị hại.

Đối với chi phí mổ 5.000.000đồng, mua Moocphin vip6 giảm đau 2.700.000đồng, thuốc điều trị ngoài 3.000.000đồng, giám định thương tật 2.000.000đồng; chi phí phòng và giường nằm yêu cầu là 2.800.000đồng; chi phí thuê xe 10.500.000đồng, thuê người chăm sóc ra viện 13.500.000đồng, đền bù danh dự 20.868.000đồng, bồi dưỡng sức khỏe 27.860.000đồng là không có căn cứ nên không chấp nhận.

Đối với khoản chi phí dự kiến phẫu thuật tháo nẹp là 63.995.000đồng, là khoản tiền chưa chi phí thực tế nên đề nghị tách ra, nếu sau này bị hại có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Nokia E72 màu đen và 01 điện thoại Iphone 4 màu trắng thu giữ của K; 01 điện thoại Nikia 6300 màu cà phê thu giữ của N; 01 điện thoại Oppo màu đen thu giữ của H, 01 điện thoại Iphone 6s màu vàng và 01 điện thoại Samsung galaxy S6 màu đen thu giữ của M.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 45.000.000đồng mà bị cáo N, Đ, T và gia đình bị cáo M đã nộp để đảm bảo thi hành án về phần bồi thường cho bị hại.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật. Bị hại phải chịu án phí đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về những khoản không được Tòa án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, nội dung bản cáo trạng, kết luận giám định thương tích cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Do mâu thuẫn giữa Bùi Thị M và Vũ Văn T1 trong quan hệ làm ăn và được M nói lại, K đã bàn với M về việc đánh T1 nên vào hồi 15 giờ ngày 18/01/2018 tại khu vực trước cửa nhà số 10 mường An Kim Hải, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, Hải Phòng, Trương Trung K, Lê Văn N, Nguyễn Thái H, Nguyễn Thành Đ và Phạm Ngọc T đã có hành vi sử dụng tay chân, một chiếc gậy gỗ và một viên đá lát nền đánh gây thương tích cho Vũ Văn T1 với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 14% (mười bốn phần trăm). Do vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận các bị cáo bị cáo Bùi Thị M, Trương Trung K, Lê Văn N, Nguyễn Thái H, Nguyễn Thành Đ, Phạm Ngọc T đồng phạm tội “Cố ý gây thương tích” vi phạm Điều 134 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết định khung:

[3] Thương tích các bị cáo gây ra cho Vũ Văn T1 tuy làm tổn thương cơ thể 14% nhưng do các bị cáo đã sử dụng gậy gỗ và viên đá lát nền một cách vô cớ để gây thương tích thuộc trường hợp quy định tại điểm a là “dùng hung khí nguy hiểm” và điểm i là “có tính chất côn đồ” khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng định khung quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

[4] Đánh giá vai trò, động cơ, mục đích phạm tội của các bị cáo: Bị cáo K là người khởi xướng việc đánh T1 và là người thực hành tích cực, bị cáo đã yêu cầu M cung cấp các thông tin về T1, trực tiếp nhờ các bị cáo đi theo dõi vị trí của T1 và đánh T1, là người chuẩn bị chiếc gậy gỗ và dùng gậy gỗ đánh T1. Bị cáo M, H, N, Đ, T là người tiếp nhận ý chí của bị cáo K; bị cáo M là người thực hành tích cực, đã cung cấp các thông tin về ảnh, về số điện thoại, biển số xe của T1, là người trực tiếp theo dõi vị trí của T1 để báo lại cho K, là người tiếp nhận thông tin từ K về diễn biến sự việc; bị cáo H là người tiếp nhận thông tin của T1 từ bị cáo M, đi theo dõi T1, đã cùng Đ kéo T1 ra khỏi xe và dùng tay chân đánh T1, dùng gạch lát nền đập vào bụng T1, dùng mũ bảo hiểm đánh vào người T1; bị cáo N đã sử dụng gậy gỗ vụt vào bắp chân trái của T1, khi bị K rằng gậy để đánh T1 thì N tiếp tục nhặt viên đá lát nền ném vào vai T1; bị cáo Đ trực tiếp chặn xe của T1, cùng H kéo T1 xuống xe và dùng chân đập vào đầu T1; bị cáo T cùng Đ chặn xe của T1 nhưng không tham gia đánh T1. Cả nhóm đã cùng nhau sử dụng số tiền M đưa. Do vậy, vai trò phạm tội của bị cáo K cao hơn vai trò phạm tội của bị cáo M, vai trò phạm tội của bị cáo M cao hơn vai trò phạm tội của bị cáo H, vai trò phạm tội của bị cáo H cao hơn vai trò phạm tội của bị cáo N, vai trò phạm tội của bị cáo N cao hơn vai trò phạm tội của bị cáo Đ, phạm tội của bị cáo Đ cao hơn vai trò phạm tội của bị cáo T.

[5] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của con người được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự xã hội nên cần xét xử các bị cáo một mức án nghiêm, bắt cách ly xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6] Nhân thân các bị cáo chưa tiền án, tiền sự; tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo;

[7] Bị cáo N, Đ, T đã tự nguyện nộp một khoản tiền; bị cáo M đã tác động gia đình tự nguyện nộp một khoản tiền để bồi thường cho bị hại nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo N, Đ, T, M.

[8] Bị cáo K, H, N, Đ, T, sau khi phạm tội đã ra đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N, bị cáo Đ, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T; đối với bị cáo H có bác ruột

là liệt sĩ. Do vậy, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo K, H, N, Đ, T.

[9] Riêng đối với bị cáo T chưa tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã ra đầu thú và tự nguyện bồi thường một phần cho bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo không trực tiếp tham gia đánh T1 nên khi lượng hình cần xem xét áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để cho bị cáo T được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật là phù hợp.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

[10] Bị hại anh Vũ Văn T1 yêu cầu các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường tổng số tiền 259.879.472 đồng. Hội đồng xét thấy:

Đối với khoản chi phí khám nhập viện 505.000đồng, tiền viện phí 15.636.472đồng; tổng là: 16.141.472đồng, xét đây là chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe của bị hại nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 590 Bộ luật Dân sự cần chấp nhận;

Đối với khoản chi phí mua bộ nẹp vít xương phẫu thuật là 4.000.000đồng; tuy bị cáo không xuất trình được hóa đơn, chứng từ nhưng xét đó là khoản chi phí hợp lý cho việc cứu chữa của bị hại nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 590 Bộ luật Dân sự cần chấp nhận;

Đối với khoản chi phí cho 2 người chăm sóc bị hại trong thời gian điều trị tại bệnh viện do bị cáo không tự đi lại được là 8.400.000đồng, xét là khoản chi phí hợp lý của người chăm sóc bị hại trong thời gian điều trị nên căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 590 Bộ luật Dân sự cần chấp nhận;

Đối với khoản chi phí để mua đồ vật dụng nằm viện 2.500.000đồng, tuy bị hại không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nhưng xét là khoản chi phí hợp lý nên chấp nhận.

Đối với khoản thu nhập bị mất trong thời gian 08 tháng không đi làm được là 55.720.000đồng. Do bị hại đang đóng Bảo hiểm xã hội trên thu nhập là 6.956.000đ/tháng, xét là khoản chi phí thực tế bị mất của bị hại nên căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 590 Bộ luật Dân sự cần chấp nhận;

Đối với yêu cầu về bồi thường tổn thất tinh thần là 20.895.000đồng, yêu cầu này tương ứng với 15 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định nên căn cứ vào khoản 2 Điều 590 Bộ luật Dân sự cần chấp nhận;

Đối với chi phí mổ 5.000.000đồng, Moocphin vip6 giảm đau 2.700.000đồng, thuốc điều trị ngoài 3.000.000đồng, giám định thương tật 2.000.000đồng, bị hại không xuất trình được hóa đơn, chứng từ nên không có cơ sở để chấp nhận;

Đối với chi phí phòng và giường nằm yêu cầu là 2.800.000đồng, xét tại bảng kê chi tiết khám chữa bệnh nội trú của bị hại cung cấp đã liệt kê khoản chi phí này và Hội đồng xét xử đã xem xét tại phần chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe của bị hại nên khoản tiền này không được chấp nhận;

Đối với chi phí thuê xe 7 chuyến cho người từ Bắc Giang xuống nuôi 10.500.000đồng, thuê người phục vụ chăm sóc ra viện 13.500.000đồng, đền bù danh dự 20.868.000đồng, bồi dưỡng sức khỏe 27.860.000đồng, xét yêu cầu này là không có căn cứ nên không chấp nhận.

Đối với khoản chi phí dự kiến phẫu thuật tháo nẹp là 63.995.000đồng, xét khoản chi phí này là chưa có thực tế nên bị hại không thể cung cấp tài liệu, chứng cứ được, vì vậy Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét giải quyết, nếu sau này có yêu cầu sẽ xem xét giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

Vì vậy, cần buộc các bị cáo M, K, H, N, Đ và T phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền là 107.656.472đồng, theo kỷ phần mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 17.942.745đồng. Bị cáo M đã tự nguyện nộp số tiền là 20.000.000đồng; bị cáo N đã tự nguyện nộp số tiền 10.000.000đồng; bị cáo Đ đã tự nguyện nộp số tiền 10.000.000đồng; bị cáo T đã tự nguyện nộp số tiền là 5.000.000đồng để bồi thường cho bị hại. Do bị cáo M tự nguyện bồi thường với số tiền lớn hơn số tiền mà bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường nên chấp nhận việc bị cáo M tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000đồng, như vậy bị cáo M đã thực hiện xong việc bồi thường cho bị hại. Bị cáo N và bị cáo Đ, mỗi bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền là 7.942.745đồng; bị cáo T còn phải tiếp tục bồi thường số tiền là 12.942.745đồng; bị cáo K và bị cáo H, mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 17.942.745đồng cho bị hại Vũ Văn T1 là phù hợp với quy định tại Điều 584; 585; 587; 590 Bộ luật Dân sự.

- Về xử lý vật chứng:

[11] Đối với 01 điện thoại Nokia E72 màu đen và 01 điện thoại Iphone 4 màu trắng thu giữ của K; 01 điện thoại Nikia 6300 màu cà phê thu giữ của N; 01 điện thoại Oppo màu đen thu giữ của H, 01 điện thoại Iphone 6s màu vàng và 01 điện thoại Samsung galaxy S6 màu đen thu giữ của M, các bị cáo đã sử dụng là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước.

[12] Đối với số tiền 45.000.000đồng mà bị cáo N, Đ, T và gia đình bị cáo M đã nộp, cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án về phần bồi thường cho bị hại.

- Về các vấn đề khác:

[13] Đối với 01 xe mô tô Air Blade biển kiểm soát 16N4-1264, quá trình điều tra xác minh thuộc sở hữu hợp pháp của bà Lê Thị Vượt, khi cho mượn bà không biết N sử dụng để tham gia gây thương tích cho T1 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân đã trả chiếc xe lại cho bà Vượt.

[14] Đối với 01 xe mô tô Exciter biển kiểm soát 15B1-84555, quá trình điều tra xác minh thuộc sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Xuân Thừa, khi cho mượn ông không biết Đ sử dụng để tham gia gây thương tích cho T1 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân đã trả chiếc xe lại cho ông Thừa.

[15] Đối với 01 xe mô tô Jupiter biển kiểm soát 16K5-3412, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân tách ra tiếp tục tạm giữ để điều tra xác minh, xử lý sau.

[16] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo M đã tự nguyện bồi thường đầy đủ cho bị hại nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; các bị cáo K, H, N, Đ, T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền còn phải bồi thường.

Bị hại phải nộp án phí đối với khoản tiền 88.228.000đồng không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bùi Thị M 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 06 tháng 4 năm 2018.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Trương Trung K 42 (bốn mươi hai) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 30 tháng 3 năm 2018.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Thái H 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 31 tháng 3 năm 2018.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Lê Văn N 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án. Trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/3/2018 đến ngày 07/6/2018. Quyết định bảo lãnh đối với bị cáo tính đến thời điểm bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Thành Đ 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án. Trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/3/2018 đến ngày 27/6/2018. Quyết định bảo lãnh đối với bị cáo tính đến thời điểm bị cáo đi chấp hành án phạt tù

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phạm Ngọc T 18 (mười tám) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án. Trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2018 đến ngày 23/7/2018. Quyết định bảo lãnh đối với bị cáo tính đến thời điểm bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584; 585; 587, 590 Bộ luật Dân sự; buộc các bị cáo M, K, H, N, Đ và T phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Vũ Văn T1 số tiền là 107.656.472 đ (một trăm linh bảy triệu, sáu trăm năm mươi sáu nghìn, bốn trăm bảy mươi hai đồng), theo kỷ phần mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 17.942.745đ (mười bảy triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn, bảy trăm bốn mươi lăm đồng).

Bị cáo M tự nguyện nộp số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) để bồi thường cho bị hại nên bị cáo M đã thực hiện xong trách nhiệm bồi thường. Bị cáo N, Đ mỗi bị cáo tự nguyện nộp số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) nên mỗi bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 7. 942.745đ (bảy triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn, bảy trăm bốn mươi lăm đồng). Bị cáo T tự nguyện nộp số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) nên phải tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 12. 942.745đ (mười hai triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn, bảy trăm bốn mươi lăm đồng). Bị cáo K, H chưa thực hiện trách nhiệm nên mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 17.942.745đ (mười bảy triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn, bảy trăm bốn mươi lăm đồng) cho bị hại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về xử lý tang vật: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Nokia E72 màu đen và 01 điện thoại Iphone 4 màu trắng thu giữ của bị cáo K; 01 điện thoại Nikia 6300 màu cà phê thu giữ của bị cáo N; 01 điện thoại Oppo màu đen thu giữ của bị cáo H, 01 điện thoại Iphone 6s màu vàng và 01 điện thoại Samsung galaxy S6 màu đen thu giữ của bị cáo M (theo đúng Biên bản giao nhận vật chứng ngày 10 tháng 9 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 45.000.000đ (bốn mươi năm triệu đồng) mà bị cáo N, Đ, T và gia đình bị cáo M đã nộp để đảm bảo thi hành án về phần bồi thường cho bị hại Vũ Văn T1.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Các bị cáo M, K, H, N, Đ và T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước;

Bị cáo K và bị cáo H, mỗi bị cáo phải nộp 897.137đ (tám trăm chín mươi bảy nghìn, một trăm ba mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo N và bị cáo Đ, mỗi bị cáo phải nộp 397.137đ (ba trăm chín mươi bảy nghìn, một trăm ba mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo T phải nộp 647.137đ (sáu trăm bốn mươi bảy nghìn, một trăm ba mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước;

Bị hại Vũ Văn T1 phải nộp 4.411.400đ (bốn triệu, bốn trăm mười một nghìn, bốn trăm đồng) án phí đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về những khoản không được Tòa án chấp nhận để sung quỹ Nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Hương

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND quận Lê Chân;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- Cơ quan CSĐT CA quận Lê Chân;
- Cơ quan THAHS CA quận Lê Chân;
- Trại tạm giam CATP Hải Phòng;
- Sở tư pháp TP Hải Phòng;
- PV 27 CATP Hải Phòng;
- UBND p.Đằng Hải, Hải An, HP;
- UBND p.Hạ Lý, Hồng Bàng, HP;
- UBND xã An Thọ, An Lão, HP;
- UBND p.Vĩnh Niệm, Lê Chân, HP;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Hương

